

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **45/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/11/2019

V/v “*Không công nhận quan
hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh

Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2019/TLST - HNGĐ ngày 08/10/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, SN: 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông Quách Công T, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã R, huyện P, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Quách Công T tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống bà Đ, ông T hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu

nhưng càng về sau tình cảm giữa bà Đ và ông T ngày càng phai nhạt và không còn sự quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung và cả hai đã sống ly thân với nhau được 02 năm nay

Nhận thấy đời sống vợ chồng không còn tình cảm nên bà Đ yêu cầu Tòa án tuyên không công nhận quan hệ vợ, chồng với ông Quách Công T.

Về con chung: Bà Đ và ông T có 02 con chung tên là Quách Công Trường Vũ, sinh năm: 2001; Quách Công Vinh, sinh năm: 2005. Khi ly hôn, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Quách Công T trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Quách Công T có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước và có mặt tại địa phương. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không có văn bản trình bày ý kiến của ông T về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về hướng giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và bị đơn ông Quách Công T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

1.1. *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu tuyên không công nhận quan hệ vợ, chồng với bị đơn ông Quách Công T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Quách Công T có nơi cư trú tại xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

1.2. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Quách Công T đã được Tòa án triệu tập họp lệ các tài liệu theo quy định nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ và ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Đ và ông Quách Công T tự do tìm hiểu và tự nguyện yêu thương và cùng chung sống với nhau từ năm 2000. nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật . Bà Đ trình bày hai bên chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Ủy ban nhân dân xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước địa phương nơi bà Đ, ông T chung sống đều có xác nhận là giữa bà Đ và ông T có chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. bà Đ và ông T có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, tuy nhiên họ đã không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên họ không được công nhận là vợ chồng, nếu một hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết.

Xét thấy, tình cảm giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Quách Công T khi hai người về sống chung như vợ chồng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, xích mích. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, tình cảm thực sự không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà Đ và ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ.

2.2. *Về con chung; tài sản chung và nợ chung:* Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội; 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

- *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Quách Công T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 027293 ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

3. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP; VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Ninh